

Bản án số: 65/2022/DS-PT
Ngày 06 tháng 4 năm 2022
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và chia
di sản thừa kế

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tự Học;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Ông Đặng Đình Lục.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Hưng, Thư ký
Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên
tòa:** Bà Lê Thị Lý - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 06 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội,
xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 120/2021/TLPT-
DS ngày 12 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và chia di
sản thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2020
của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2372/2022/QĐ-PT ngày 16 tháng
3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Hữu Ngh, sinh năm 1947; nơi cư trú: Thôn
Năng T, xã Vũ H, huyện Vũ Th, tỉnh Thái Bình; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Xuân Ch, sinh năm 1953; nơi cư trú: thôn Năng T,
xã Vũ H, huyện Vũ Th, tỉnh Thái Bình; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trần Thị T1, sinh năm 1937; địa chỉ: Thôn Phú Th1, xã Vũ H, huyện
Vũ Th, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

3.2. Bà Trần Thị H1, sinh năm 1940; địa chỉ: Thôn Năng T, xã Vũ H, huyện

Vũ Th, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

3.3. Ông Nghiêm Xuân Th2, sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn Bình A, xã Vũ H, huyện Vũ Th, tỉnh Thái Bình (con bà H4); vắng mặt.

3.4. Ông Nghiêm Đức L, sinh năm 1952; địa chỉ: Thôn Bình A, xã Vũ H, huyện Vũ Th, tỉnh Thái Bình (con Bà H4); có mặt.

3.5. Bà Nghiêm Thị Nh, sinh năm 1958; địa chỉ: xã Việt Th2, huyện Vũ Th, tỉnh Thái Bình (con bà H4); vắng mặt.

3.6. Bà Nghiêm Thị H2, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn Phú Th1, xã Vũ H, huyện Vũ Th, tỉnh Thái Bình (con bà H4); vắng mặt.

3.7. Ông Nghiêm Huy H3, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn Bình A, xã Vũ H, huyện Vũ Th, tỉnh Thái Bình (con bà H4); vắng mặt.

3.8. Bà Nghiêm Thị M, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn Phú Th1, xã Vũ H, huyện Vũ Th, tỉnh Thái Bình (con bà H4); vắng mặt.

3.9. Bà Nghiêm Thị Ch1, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn Dĩ A1, xã Vũ H, huyện Vũ Th, tỉnh Thái Bình (con bà H4); vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Thái, bà Nh, bà H1, ông H3, bà M, bà Ch1: Ông Nghiêm Đức L (thứ tự 3.4).

3.10. Bà Vũ Thị M1, sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn Năng T, xã Vũ H, huyện Vũ Th, tỉnh Thái Bình (vợ ông Ch); vắng mặt.

3.11. Ông Trần Xuân Th3, sinh năm 1968; địa chỉ: 902, CT1, Chung cư Cửu L1, 536 Minh Kh, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội (con ông Ngh); có mặt.

3.12. Anh Trần Xuân Tr, sinh năm 1970; địa chỉ: Số 6, ngõ 93, đường Nguyễn Tông Q, tổ 8, phường Trần L2, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (con ông Ngh); vắng mặt.

3.13. Chị Trần Thị H5, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn Năng T, xã Vũ H, huyện Vũ Th, tỉnh Thái Bình (con ông Ngh); vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Th3, anh Tr, chị H5: Ông Trần Hữu Ngh (nguyên đơn).

3.14. Chị Trần Thị Nh, sinh năm 1974; địa chỉ: EDF YÊ DO CHEONG, 2-AND- AMA CAO, Trung Quốc (con ông Ngh); vắng mặt.

3.15. Anh Lê Đức B, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn Năng T, xã Vũ H, huyện Vũ Th, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

3.16. Cụ Nguyễn Thị M2, sinh năm 1930; địa chỉ: Thôn Năng T, xã Vũ H, huyện Vũ Th, tỉnh Thái Bình (mẹ đẻ ông Ch); vắng mặt.

3.17. Anh Trần Huy Th3, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn Năng T, xã Vũ H, huyện Vũ Th, tỉnh Thái Bình (con ông Ch); vắng mặt.

3.18. Chị Trần Thị Ng, sinh năm 1983; địa chỉ: Số nhà 3.28 đường số 1, khu đô thị Trần L2, thành phố Thái Bình (con ông Ch); vắng mặt, đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của cụ M2, anh Th3, chị Ng: Ông Trần Xuân Ch (bị đơn).

3.19. Chị Trần Thị Ng1, sinh năm 1990; địa chỉ: 27/36/75/12/4/1C, đường Bùi Tư Toàn, phường An Lạc, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh (con ông Ch); vắng mặt, đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Ng1: Bà Vũ Thị M1 (thứ tự 3.10).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn ông Trần Hữu Ngh trình bày:

Bố mẹ ông là cụ Trần Văn Phương (chết năm 1952) và cụ Đặng Thị Cống (chết năm 2001) sinh được 5 người con gồm bà Trần Thị H4 (chết năm 2013, có chồng là ông Nghiêm Xuân Ro chết năm 1994 - có 7 người con gồm Nghiêm Đức L, Nghiêm Xuân Th2, Nghiêm Thị Nh, Nghiêm Thị H2, Nghiêm Huy H3, Nghiêm Thị M, Nghiêm Thị Ch1), ông Trần Xuân Ngậy (liệt sỹ hy sinh năm 1953 là bố anh Ch, ông Ngậy có vợ là bà Nguyễn Thị M2); bà Trần Thị T1, bà Trần Thị H1 và ông Trần Hữu Ngh (có vợ là Nguyễn Thị Hòa chết năm 2012, có 4 người con gồm Trần Xuân Th3, Trần Xuân Tr, Trần Thị H5, Trần Thị Nh) ngoài ra hai cụ không có con nuôi, con riêng nào khác. Thửa đất 638 tờ bản đồ số 02 đo đạc năm 1993 tại thôn Năng T, xã Vũ H, huyện Vũ Th, tỉnh Thái Bình hiện ông đang sử dụng có nguồn gốc là đất của bố mẹ ông, mẹ ông cho ông từ năm 1968, khi cho mẹ ông chỉ nói là ông được làm từ bếp cũ trở lại, xây ra phía đường không nói rõ diện tích, vị trí, kích thước cụ thể như thế nào. Sau khi mẹ ông chỉ mốc, năm 1971 ông phá bếp để làm nhà, đến năm 1974 mẹ ông lại cho ông phần đất phía trước nhà để xây bếp, chiều ngang tính từ mép nhà ông ra là khoảng 1,5m, sau đó ông lấy đất cạp ra bờ sông cho anh Ch sử dụng, còn ông sử dụng thêm khoảng 1m chiều ngang, chiều dài tính từ bếp nhà ông ra giáp nhà ông Trần Khuyến, ngoài ra mẹ ông còn cho thêm ông 2 gian nhà (trong số 5 gian nhà của cụ), phần còn lại mẹ ông và anh Ch sử dụng. Khoảng năm 1977, ông bán 2 gian nhà đó cho anh Ch nên anh Ch sử dụng cả 5 gian nhà. Năm 1971, ông và anh Ch đi cùng sân, cùng ngõ, đến năm 1980 thì ông mở cửa hướng đông, đi riêng một mình gia đình ông để đi ra đường. Việc mẹ ông cho đất ông chỉ nói miệng, không làm thành giấy tờ, văn bản hay làm thủ tục tại cơ quan có thẩm quyền. Đến nay, ông chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngõ đi phía bắc của nhà ông là ngõ đi chung

của gia đình ông Trần Xuân M2, bà Vũ Thị Chiến và anh Trần Xuân Ch, khoảng năm 1995, 1996 những hộ đi chung ngõ tiến hành làm ngõ, thỏa thuận mỗi nhà làm một đoạn, nhà anh Ch làm từ nhà anh Ch đến đường, anh Ch đổ nền ngõ bằng xi vôi làm sát tường nhà ông để mọi người đi lại sạch sẽ nên ông vẫn để mọi người đi lại. Nhưng đến ngày 04/5/2018 anh Ch phá tường bao ở phía bắc giáp ngõ đi của gia đình ông và tuyên bố phần đất giáp tường bao đến tường nhà là của anh Ch. Do anh Ch đóng liệt cửa sổ không cho ông mở cửa sổ ra ngõ và đòi phần đất đã lấn chiếm của ông cụ thể anh Ch chôn ống nước vào sát khe móng tường của nhà ông và tuyên bố nhà ông làm lấn sang đất nhà anh Ch. Nay ông khởi kiện yêu cầu anh Ch trả lại đất cho ông cụ thể: phía đông bắc rộng một đầu 40cm và một đầu 80cm x 5m dài = 3,0m²; phía bắc dài dọc theo nhà khoảng 10 mét x 0,35m = 3m²; phía tây anh Ch xây tường bao lên phần dương móng nhà cũ của ông và sân trên móng âm có chiều dài khoảng 10m x 0,3m = 3m². Tổng cộng là 9,5m². Buộc anh Ch phải phá dỡ bức tường dậu và phần sân đã xây dựng trên phần đất lấn chiếm, dỡ bỏ mái tôn lợp trùm lên phần đất của ông, trả lại phần đất lấn chiếm.

Đối với yêu cầu phân tố yêu cầu chia thừa kế của cụ Cóng, cụ Phượng của anh Ch, ông Ngh đồng ý. Ông Ngh thừa nhận, bố mẹ ông tạo lập được 4 thửa đất gồm: thửa 636 đất ở diện tích 247m² mang tên anh Ch; thửa 637 đất ao diện tích 120m² mang tên anh Ch; thửa 638 đất ở diện tích 270m² mang tên ông Ngh và thửa 639 đất ở diện tích 140m² đã được cấp giấy chứng nhận mang tên chị H5, anh B đều ở thôn Năng T, xã Vũ H, huyện Vũ Th, tỉnh Thái Bình. Ông xác định thửa đất 638 diện tích 270m² và thửa đất 639 diện tích 140m² ông đã được mẹ ông cho từ năm 1968 nên không phải là di sản thừa kế; ông xác định di sản thừa kế hiện nay gồm thửa 636 diện tích 247m² đất ở và thửa 637 diện tích 120m² đất ao hiện anh Ch đang quản lý sử dụng; ngoài ra còn một suất ruộng cơ bản của cụ Cóng hiện anh Ch đang quản lý, ông đề nghị Tòa án phân chia. Thửa đất 639 diện tích 140m² hiện mang tên chị H5, anh B, ông Ngh xác định có nguồn gốc là của mẹ ông, trước đây chỉ có khoảng 45m² năm 1968 mẹ ông cho ông cả phần đất này. Đến đầu năm 1980, ông mở xưởng ắc quy ông có mua thêm đất của ông Tròn nên mới tạo thành thửa đất có diện tích 140m², khoảng năm 1990 ông có chuyển nhượng thửa đất trên cho ông Lạc, sau đó ông Lạc đã cho con trai là Lê Đức B, con dâu Trần Thị H5. Vợ chồng H5, B đã xây nhà ở trên đất từ năm 1994 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bị đơn ông Trần Xuân Ch trình bày: Ông có quan hệ với ông Ngh là chú cháu, bố ông là ông Trần Xuân Ngậy là anh cả, còn ông Ngh là em út. Bố ông hy sinh năm 1953, đến năm ông 11 tuổi thì mẹ ông đi tái giá, từ đó ông sống cùng bà nội. Ông bà nội có để lại thửa đất khoảng 1000m² đất thổ cư và ngôi nhà 5 gian tại thôn Năng T, xã Vũ H, huyện Vũ Th, tỉnh Thái Bình. Năm 1967 xã Vũ H mở đường mới và chia mảnh đất thành hai phần, một phần gắn liền với ngôi nhà 3 mặt bắc, tây, đông đều liền kề ngõ đi chung của 3 hộ gia đình phía trong. Năm

1967, ông Ngh lấy vợ và ở một đầu nhà phía đông, khi ông Ngh xây nhà ra ở riêng thì bà Trần Thị Hồng (cô ruột ông) có nói: ông Ngh đã có nhà riêng, ngôi nhà ông bà để lại như của hơi thơm nên chú 2 gian phía đông, cháu hai gian phía tây, gian giữa để thờ, nhà từ đâu đất từ đó, vợ chồng ông đã đưa cho vợ chồng ông Ngh 3,5 chỉ vàng để mua lại 2 gian nhà. Việc đất cát ông bà của ông để lại không chia cho ai mà chú lớn trước thì chú làm nhà trước, còn lại thì cháu sử dụng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Ngh, ông Ch có ý kiến: Về phần diện tích đất phía đông bắc $3m^2$: căn cứ vào phiếu đo đạc hiện trạng đất trong dân cư, đối với hộ sử dụng đất là ông Ngh thể hiện số thửa 638 trên bản vẽ thể hiện là một đường thẳng, không có phần diện tích nhô ra như ông Ngh yêu cầu ông trả mà thực chất đất là đất ngõ đi chung; Về diện tích phía bắc dài dọc theo nhà khoảng $3,5m^2$, theo ông được biết thì móng nhà ông Ngh không phải xây theo kiểu giạt cấp, để oản mà móng nhà xây móng chân vệt. Do vậy, ranh giới nhà ông Ngh chỉ được tính từ bức tường nhà ông Ngh trở vào, diện tích đất ông Ngh đòi này là diện tích của ngõ đi chung. Việc làm ngõ là do các hộ dân trong ngõ đóng góp, ngõ đã 3 lần tôn tạo, lần gần nhất là năm 2015 được UBND xã cấp xi măng nên tiến hành làm ngõ, mặt ngõ trên nền mặt ngõ cũ, không ai hiến đất. Ngõ đi này là ngõ đi chung, không phải đất nhà ông, ông Ngh đòi phần đất ngõ này ông không có trách nhiệm trả, diện tích đất ngõ này vẫn nguyên trạng như từ khi ông sinh ra; về phần đất phía tây ông Ngh cho rằng ông xây tường bao lên phần dương móng nhà cũ của ông Ngh và sân trên móng âm có diện tích $3m^2$ là không có căn cứ vì trước đây khi ông Ngh bán cho ông 2 gian nhà, khi ông mua phải có sân, vườn và ao nên ranh giới giữa nhà ông với nhà ông Ngh phải được tính từ bức tường cũ của hai gian nhà kéo thẳng đến hết đất. Sau khi mua, ông đã sử dụng một phần diện tích 2 gian buồng trên khoảng $2x2m$ giáp với ngõ đi chung để làm ngõ. Khi ông làm nhà mới ông vẫn xây dựng trên nền nhà cũ nên mốc giới xác định ranh giới giáp với ngõ đi chung, hiện nay là tường nhà ông vẫn còn. Toàn bộ diện tích đất ông Ngh đòi không thuộc quyền sử dụng của ông Ngh nên ông không có trách nhiệm phải phá dỡ phần công trình trên đất. Việc ông dun đổ bức tường dậu nhà ông Ngh giáp ngõ đi là để thuận tiện cho việc đi lại và sạch sẽ chứ ông không xác định đất đó là của ông, đây là phần đất ngõ đi chung. Năm 2017 ông Ngh có phá nhà xây dựng năm 1971 đi và xây nhà mới trên nền nhà cũ. Phía tây giáp nhà ông, ông Ngh xây lùi vào khoảng 25cm so với nhà cũ, bức tường phía tây nhà cũ vẫn còn, ông Ngh không phá bỏ. Phía bắc giáp ngõ đi ông Ngh xây tường đúng vào vị trí của tường nhà cũ, phần móng ông Ngh xây như nào ông không rõ, về phía cổng nhà ông, ông Ngh có xây lấn ra khoảng 10cm vào cột cổng. Năm 2015 ông xây bức tường giáp tường phía tây nhà ông Ngh là do bức tường cũ nhà ông Ngh xuống cấp, gạch xỉ rơi rụng trên sân nhà ông gây bất tiện nên ông xây bức tường cho sạch sẽ nhưng bức tường này ông xây trên đất nhà ông, không phải xây trên đất ông Ngh.

Ông Ch có yêu cầu phân tố: ông yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của ông bà nội ông là cụ Phượng và cụ Cống, các cụ để lại các thửa đất thừa 636 đất ở diện tích 247m² mang tên ông Ch; thửa 637 đất ao diện tích 120m² mang tên ông Ch; thửa 638 đất ở diện tích 270m² mang tên ông Ngh và thửa 639 đất ở diện tích 140m² đã được cấp giấy chứng nhận mang tên chị H5, anh B tại thôn Năng T, xã Vũ H. Ông yêu cầu Tòa án phân chia theo pháp luật. Đối với việc ông Ngh cho rằng di sản thừa kế của Cống còn 1 suất ruộng cơ bản hiện ông đang quản lý, sử dụng ông đồng ý và đề nghị Tòa án phân chia. Ngoài ra ông Ch còn yêu cầu khoảng năm 1980, 1981 lúc đó cụ Cống ở với gia đình ông Ngh, xã tiến hành chia ruộng phần trăm, suất của cụ Cống 36m² được chia vào nhà ông Ngh, sau đó ông Ngh đã bán phần diện tích đất ruộng phần trăm trong đó có cả phần của cụ Cống, ông đề nghị Tòa án phân chia đối với phần diện tích này. Đối với việc ông Ngh cho rằng di sản của hai cụ chỉ còn hai thửa đất hiện ông đang sử dụng ông không đồng ý vì khi còn sống cụ Cống chưa phân chia đất cho ai.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Trần Thị T1 trình bày: Bà là con của cụ Phượng, cụ Cống, là chị gái của ông Ngh và là cô của ông Ch. Về quan hệ huyết thống đúng như ông Ngh, ông Ch trình bày. Bố mẹ bà chết có để lại tài sản là nhà, đất, bà có nghe nói khi còn sống cụ bà có chia nhà đất cho ông Ngh và ông Ch nhưng việc chia cụ thể như thế nào bà không biết. Bà đi lấy chồng từ năm 12 tuổi nên bà không quan tâm, không biết gì về việc chia đất hay nhà, ông Ch xin chia thừa kế bà từ chối nhận di sản của bố mẹ bà.

- Bà Trần Thị H1 trình bày: Bà là chị gái của ông Ngh, là cô của ông Ch, về phần huyết thống bà đồng ý như trình bày của ông Ngh. Trước đây bố mẹ bà có thửa đất rộng, cả gia đình bà sinh sống tại thôn Năng T, xã Vũ H. Năm 1965 nhà nước mở đường đi qua thửa đất nên chia thửa đất làm 2 thửa, một thửa ở phía đông đường giao thông sau này ông Ngh có mua thêm một phần đất của ông Tròn tạo thành một thửa đất rộng hơn, hiện nay ông Ngh đã bán cho anh B, phần còn lại ở phía tây đường giao thông hiện ông Ngh và ông Ch đang quản lý, sử dụng. Trên phần đất phía tây đường, trước đây gia đình bà có 5 gian nhà, được xây dựng trên phần đất hiện nay ông Ch đang sử dụng. Trước năm 1968, sau khi 3 chị em gái đi lấy chồng thì mẹ bà, ông Ngh và ông Ch đều chung sống trong 5 gian nhà, khi đó ông Ngh đã có gia đình, ông Ch có hỏi về nhà thì bà có nói gian giữa để thờ cúng, còn lại mỗi người 2 gian, ông Ch hỏi về đất thì bà nói nhà đến đâu đất đến đó, việc bà và ông Ch nói với nhà như trên ông Ngh không biết, chỉ bà và ông Ch biết với nhau. Năm 1971, ông Ngh xây dựng nhà ra ở riêng trên phần đất hiện nay ông Ngh đang sử dụng, mẹ bà có cho đất ông Ngh không thì bà không biết chỉ thấy ông Ngh xây thành khuôn viên riêng. Bà, bà T1, bà H4 không có ý kiến gì, đều xác định nhà đất của bố mẹ bà để lại cho ông Ngh, ông Ch chia nhau sử dụng. Bà không biết khi còn sống mẹ bà có chia đất cho ông Ngh, ông Ch không,

từ năm 1972 ông Ngh và ông Ch đều ở riêng hẳn, xây nhà và quản lý đất như hiện nay. Bà từ chối nhận di sản thừa kế của bố mẹ bà.

- Ông Nghiêm Đức L trình bày: Ông là con của bà Trần Thị H4, cụ Cống và cụ Phượng là ông bà ngoại của ông. Khi cụ Cống còn sống khoảng năm 1976 đến 1980, ông không nhớ cụ thể, lúc đó trên phần đất ông Ch hiện nay đang sử dụng có 5 gian nhà của cụ, cụ Cống có nói với mọi người là 5 gian nhà cụ để lại gian giữa để thờ cúng, giao cho ông Ch là cháu đích tôn, còn lại 4 gian thì chia cho ông Ngh 2 gian phía đông, chia cho ông Ch 2 gian phía tây, khi đó cụ chỉ nói chia nhà chứ không nói gì đến việc chia đất. Trước đó khoảng năm 1972 ông Ngh lấy vợ đã làm nhà ở riêng ở mảnh đất phía đông, việc ông Ngh xây nhà là do người nào lấy vợ trước thì làm nhà chứ cụ Cống chưa chia đất cho ai cả. Cụ Phượng và cụ Cống có diện tích đất là 777m² gồm thửa đất thổ ông Ch, bà M1 đang quản lý là 247m²; đất ông Ngh đang quản lý là 270m², đất anh B, chị H5 đang quản lý là 140m² và 120m² đất ao là đất nông nghiệp hiện ông Ch đang quản lý. Ông Ngh làm nhà năm 1971, đối với thửa đất 140m² anh B, chị H5 đang quản lý có nguồn gốc là của cụ Cống và cụ Phượng, trước năm 1982 cụ Cống và ông Ch có trồng khoai, đến năm 1982 các ông thành lập tổ ác quy do ông Ngh làm tổ trưởng nên ông Ngh có đưa về thửa đất 140m² để mở xưởng, sau đó ông Ngh có mua thêm một phần đất là rãnh thoát nước của ông Vũ Văn Tròn cùng thôn, diện tích khoảng 14m². Đến nay ông Ch yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ Cống, cụ Phượng, ông đại diện cho các anh em ông xin được nhận phần thừa kế mà nếu mẹ ông còn sống sẽ được hưởng.

- Anh Lê Đức B và chị Trần Thị H5 trình bày: Anh B là con rể của ông Ngh, anh B và chị H5 hiện đang quản lý, sử dụng thửa đất số 639 diện tích 140m² ở thôn Năng T, xã Vũ H và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc thửa đất này là do ông Lê Đức Lạc (bố anh B) mua của ông Ngh và tặng cho anh năm 1990. Đến nay ông Ch yêu cầu Tòa án chia thửa đất mà vợ chồng anh đang ở từ năm 1990 đến nay thì vợ chồng anh không chấp nhận vì đất này ông Ngh đã chuyển quyền sử dụng cho bố đẻ anh là Lê Đức Lạc, sau đó vợ chồng anh được ông Lạc tặng cho.

- Bà Vũ Thị M1 trình bày: Bà là vợ ông Ch, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Ngh vì cuối năm 1976 vợ chồng bà có mua của ông Ngh hai gian nhà cũ mà các cụ để lại, trong đó có một phần diện tích đất 9,5m² mà hiện nay ông Ngh đang đòi lại, việc mua bán chỉ nói miệng, thanh toán bằng vàng, không có văn bản giấy tờ chỉ có bà Trần Thị H1 làm chứng. Trong phần 9,5m² ông Ngh đòi có 6,5m² đất vợ chồng bà đã mua của ông Ngh (trong diện tích hai gian nhà cũ), còn 3m² là thuộc ngõ đi chung. Trên bản đồ đo đạc do UBND xã Vũ H đang quản lý phần diện tích đất 6,5m² đất này thuộc quyền sử dụng của vợ chồng bà. Bà đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngh, bà đồng ý với yêu cầu phản tố của ông Ch.

- Cụ Nguyễn Thị M2 trình bày: Bà là vợ của ông Trần Văn Ngây (ông Ngây là con thứ 2 của cụ Cống, cụ Phụng) và là mẹ của anh Ch. Năm 1952 cụ Phụng chết, năm 1953 khi anh Ch được 06 tháng tuổi thì ông Ngây hy sinh. Bà tiếp tục ở với cụ Cống đến khoảng năm 1964, 1965 thì bà đi bước nữa. Khi bà lấy ông Ngây thì hiện trạng thửa đất của gia đình cụ Cống gồm: nhà gỗ lợp rạ được xây trên phần diện tích đất hiện nay anh Ch đang sử dụng, còn phần diện tích đất hiện nay ông Ngh đang sử dụng là vườn trồng dâu, thửa đất chị H5, anh B đang sử dụng là do cụ Phụng mua thêm. Đối với yêu cầu chia thừa kế của anh Ch bà đồng ý, phần của bà được hưởng thừa kế của ông Ngây bà sẽ nhường hết cho anh Ch.

Người làm chứng ông Vũ Văn Tròn trình bày: Khoảng năm 1980 ông có chuyển nhượng cho ông Trần Hữu Ngh một diện tích đất giáp với phần đất của ông Ngh mà hiện nay anh B, chị H5 đang sử dụng. Thửa đất có chiều ngang 5,5m giáp đường giao thông, chiều dài 15,7m giáp với ngõ đi hiện nay, hai bên có làm giấy tờ, về giá chuyển nhượng do thời gian đã lâu nên ông không nhớ.

*** Kết quả định giá và xem xét thẩm định tại chỗ:**

- Thửa đất 636, tờ bản đồ số 2 đo đạc năm 1993 diện tích 247m² đất ở tại thôn Năng T, xã Vũ H, huyện Vũ Th mang tên ông Trần Xuân Ch, kết quả đo hiện trạng diện tích 260m² có giá 1.500.000đ/m², hiện ông Ch đã xây nhà, công trình phụ khép kín.

- Thửa đất 637, loại đất ao, tờ bản đồ số 02 đo đạc năm 1993, diện tích 120m² tại thôn Năng T, xã Vũ H, huyện Vũ Th mang tên ông Trần Xuân Ch, kết quả đo hiện trạng diện tích 178,5m² có giá 42.000đ/m², hiện đã được ông Ch san lấp từ năm 1993, một phần làm vườn, một phần làm sân có mái tôn. Đất nông nghiệp có giá 42.000đ/m².

- Thửa đất 638, tờ bản đồ số 02 đo đạc năm 1993, diện tích 270m² (trong đó có 200m² đất ở, 70m² đất vườn) tại thôn Năng T, xã Vũ H, huyện Vũ Th mang tên ông Trần Hữu Ngh, kết quả đo hiện trạng 266,1m², trong đó đất ở có giá 3.500.000đ/m², đất vườn có giá 45.000đ/m², hiện ông Ngh đã làm nhà.

- Thửa đất 639, tờ bản đồ số 02 đo đạc năm 1993, diện tích 140m² tại thôn Năng T, xã Vũ H, huyện Vũ Th được UBND huyện Vũ Th, tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 413655 ngày 26/12/2007 mang tên Lê Đức B, Trần Thị H5, có giá 3.500.000đ/m², hiện anh B, chị H5 đã làm nhà, xây công trình phụ.

- Thửa đất 668, tờ bản đồ 241, đo đạc năm 1993 loại đất vườn, diện tích 68m² do ông Trần Xuân Ch đang quản lý.

- Về phía tây thửa đất 638 hiện ông Ngh đang quản lý sử dụng có một bức tường cũ của nhà ông Ngh xây năm 1971, bức tường này cách tường nhà mới hiện

nay của ông Ngh là 20cm (tính từ mép tường), cách bức tường do nhà ông Ch xây là 10cm.

*** Xác minh tại UBND xã Vũ H, huyện Vũ Th, tỉnh Thái Bình kết quả thể hiện:**

- Theo bản đồ 299 đo đạc năm 1986 thể hiện: Ông Trần Hữu Ngh sử dụng các thửa đất sau: thửa đất 489 diện tích 207m², thửa đất 490 diện tích 39m² và thửa đất 737 diện tích 94m²; ông Trần Xuân Ch sử dụng thửa 491 diện tích 229m²; nguồn gốc đất do ông cha ông Ngh, ông Ch để lại.

- Theo bản đồ 241, đo đạc theo Quyết định 201 năm 1993 thể hiện: Ông Trần Hữu Ngh sử dụng thửa 638 (tương ứng với thửa 489 và thửa 490 bản đồ 299) diện tích 270m² (trong đó có 200m² đất ở, 70m² đất vườn); chị Trần Thị H5, anh Lê Đức B sử dụng thửa 639 (tương ứng với thửa 737 bản đồ 299) diện tích 140m²; ông Trần Xuân Ch sử dụng thửa 636 (tương ứng với thửa 491 bản đồ 299) diện tích 247m². Các tài liệu liên quan đến đất đai lưu trữ tại UBND xã Vũ H không có tài liệu nào thể hiện tên cụ Phụng, cụ Cống là chủ sử dụng của các thửa đất trên.

- Ngoài ra theo bản đồ 241, ông Trần Xuân Ch còn sử dụng thêm các thửa: thửa 637, diện tích 120m² loại đất ao; thửa 668 diện tích 68m² loại đất vườn. Nguồn gốc của 2 thửa đất 637 và 668 là do UBND xã Vũ H giao đất theo tiêu chuẩn đất nông nghiệp theo Quyết định 652 năm 1993 của UBND tỉnh Thái Bình cho hộ gia đình ông Ch. Năm 1993 hộ gia đình ông Trần Xuân Ch có 6 khẩu gồm: ông Ch, bà M1, cụ Cống, anh Trần Huy Th3, chị Trần Thị Ng, chị Trần Thị Ng1. Năm 2011, theo Quyết định số 18 của UBND tỉnh Thái Bình về việc dồn điền đổi thửa, địa phương thực hiện quy đổi đất nông nghiệp theo nguyên tắc 1m² đất ngoài đồng bằng 3m² đất ao và bằng 2m² đất vườn. Thực hiện nguyên tắc quy đổi này, đối với diện tích đất ao (thửa 637) được quy đổi thành 40m² đất ngoài đồng, mỗi khẩu hộ ông Ch được hưởng tương đương 6,6m² đất ngoài đồng; đối với diện tích đất vườn (thửa 668) được quy đổi thành 34m² đất ngoài đồng, mỗi khẩu được hưởng 5,6m² đất ngoài đồng. Như vậy đối với thửa đất 637, thửa 668 sau khi quy đổi ra đất ngoài đồng mỗi khẩu được hưởng là 12,2m² đất ngoài đồng.

- Cũng theo Quyết định 18 năm 2011 về việc dồn điền đổi thửa, địa phương phân chia đất ngoài đồng cho hộ gia đình ông Ch là 1970m² đối với 6 khẩu nêu trên, mỗi khẩu được hưởng 328,3m². Như vậy, tiêu chuẩn đất nông nghiệp mỗi khẩu được hưởng là 12,2m² + 328,3m² = 340m² (đã làm tròn số) đất ngoài đồng. Hiện nay diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình ông Ch vẫn được giao sử dụng ổn định theo tiêu chuẩn như trên. Đối với diện tích 1970m² đất ngoài đồng được giao tại thửa 26, tờ bản đồ số 02 xứ đồng Trũng Vừng, xã Vũ H.

- Về sự chênh lệch diện tích đất của các thửa đất qua các thời kỳ đo đạc: thửa 491 theo bản đồ 299 diện tích 229m² thành thửa 636 bản đồ 241 diện tích 247m² là do ông Ch lấn ra đất thủy lợi; đối với các thửa đất do ông Ngh đang sử dụng là do sai số

trong đo đạc; đối với thửa đất chỉ H5, anh B đang sử dụng là do có một phần nhận chuyển nhượng của ông Vũ Văn Tròn (theo ông Ngh khai), tài liệu lưu trữ tại UBND xã Vũ H không lưu trữ việc chuyển nhượng này. Đối với thửa 637 (đất ao) theo bản đồ 241, diện tích 120m², theo đo đạc hiện trạng diện tích là 178,5m² là do lấn chiếm ra đất thủy lợi. Đối với đất nông nghiệp (thửa 637 và thửa 668) đề nghị Tòa án căn cứ vào số liệu đo đạc theo bản đồ 241 đo đạc năm 1993 để làm căn cứ giải quyết. Đối với phần diện tích đất ông Ch lấn ra ruộng thủy lợi chưa được hợp pháp hóa nên đề nghị chỉ giải quyết phần diện tích đất theo bản đồ 241, đo đạc năm 1993.

- Đối với ý kiến của ông Ch về việc tiêu chuẩn ruộng phần trăm của cụ Đặng Thị Cống được giao khoảng năm 1980, 1981 được giao vào hộ gia đình ông Ngh, tiêu chuẩn của cụ Cống là 36m² (vì thời điểm này cụ Cống ở với ông Ngh). Qua đối chiếu các tài liệu lưu trữ tại UBND xã Vũ H, tại quyển “Sổ cấp đất % đội 4” thể hiện hộ ông Ch được giao đất 5% cho 7 khẩu tương đương 7 suất gồm hộ ông Ch 06 khẩu (ông Ch, bà M1, cụ Cống và 03 con) và một suất liệt sỹ của bố ông Ch. Hộ ông Ngh được giao 4 khẩu nhưng không còn tài liệu lưu trữ nào thể hiện từng khẩu là những ai. Năm 2000, địa phương thực hiện Quyết định 18 của UBND tỉnh Thái Bình về dồn điền đổi thửa, đất 5% được giao vào quỹ đất ổn định cho các hộ gia đình và được thực hiện dồn từ trong làng ra ngoài đồng.

- Ngõ đi phía bắc của thửa đất 638 ông Ngh đang sử dụng là ngõ đi chung của khu dân cư, ngõ đi này có trước khi có bản đồ 299 đo đạc năm 1986.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Áp dụng Điều 36 Pháp lệnh thừa kế năm 1990; Điều 611, 613, 617; khoản 1 Điều 623; Điều 649; Điều 651; Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai; khoản 1 Điều 34; Điều 165; Điều 167; điểm đ khoản 1 Điều 192; điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu Ngh và một phần yêu cầu phản tố của ông Trần Xuân Ch về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Trần Xuân Phụng, cụ Đặng Thị Cống theo pháp luật.

1.1. Chia và giao toàn bộ di sản thừa kế là diện tích 340m² tiêu chuẩn đất nông nghiệp của cụ Đặng Thị Cống cho ông Trần Xuân Ch quản lý, sử dụng. Ông Ch có trách nhiệm thanh toán cho ông Trần Hữu Ngh 3.570.000đ; thanh toán cho các con của bà Trần Thị H4 do ông Nghiêm Đức Lý đại diện số tiền 3.570.000đ.

1.2. Xác định ranh giới phía tây (đoạn giáp nhà mới xây của ông Ngh - phần có tranh chấp) của thửa đất 638 từ bản đồ số 02 đo đạc năm 1993 mang tên ông Trần Hữu Ngh và thửa đất 636 từ bản đồ số 02 đo đạc năm 1993 mang tên ông Trần Xuân Ch tại thôn Năng T, xã Vũ H, huyện Vũ Th, tỉnh Thái Bình là bức tường nhà cũ xây năm 1971 của ông Trần Hữu Ngh.

1.3. Buộc ông Trần Xuân Ch tháo dỡ phần mái tôn trùm sang phần đất nhà ông Ngh có diện tích 1,5m² (7,5m x 02m).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu Ngh về việc buộc ông Ch trả lại 2,8m² đất lấn chiếm về phía tây của thửa đất 638 tờ bản đồ số 02 đo đạc năm 1993, tháo dỡ bức tường và phần sân xây dựng trên đất lấn chiếm.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Xuân Ch yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất 636, thửa đất 638 và thửa đất 639 tờ bản đồ số 02 đo đạc năm 1993 tại thôn Năng T, xã Vũ H, huyện Vũ Th, tỉnh Thái Bình vì di sản thừa kế không còn và 36m² tiêu chuẩn ruộng 5% của cụ Cống.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu Ngh yêu cầu ông Trần Xuân Ch trả lại diện tích 4m² đất lấn chiếm ở phần ngõ đi chung (về phía bắc của thửa đất 638, tờ bản đồ số 02 đo đạc năm 1993 tại thôn Năng T, xã Vũ H, huyện Vũ Th, tỉnh Thái Bình).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/9/2020, nguyên đơn ông Trần Hữu Ngh kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Ngày 13/10/2020, bị đơn ông Trần Xuân Ch kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Ngày 02/11/2020, nguyên đơn ông Trần Hữu Ngh có đơn rút toàn bộ nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Trần Hữu Ngh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác nhận ngày 30/9/2020, sau khi xét xử sơ thẩm ông Ngh có kháng cáo, tuy nhiên đến ngày 02/11/2020, nguyên đơn đã rút toàn bộ kháng cáo; nguyên đơn vẫn giữ nguyên những lời khai như đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn ông Trần Xuân Ch vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên lời trình bày tại cấp sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm; Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa; Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định, nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, căn cứ kết quả tranh tụng, trên cơ sở xem xét tài liệu, chứng cứ trong hồ vụ án, các yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn, lời trình bày của bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Xuân Ch; giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Cấp sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong việc thụ lý, xác minh thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xác định hiện trạng và định giá tài sản tranh chấp, xác định những người tham gia tố tụng...Đơn kháng cáo của bị đơn ông Trần Xuân Ch gửi trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Ngày 30/9/2020, sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông Trần Xuân Ngh có kháng cáo, tuy nhiên đến ngày 02/11/2020, nguyên đơn đã rút toàn bộ kháng cáo, nên căn cứ Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Xuân Ngh. Tại phiên tòa phúc thẩm, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, tuy nhiên các đương sự này đã được triệu tập họp lệ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về thời hiệu khởi kiện:* Cụ Trần Văn Phụng chết năm 1952 nhưng đến ngày 10/9/1990 Pháp lệnh thừa kế mới được công bố. Do cụ Phụng chết trước ngày 10/9/1990 (ngày công bố Pháp lệnh thừa kế), theo hướng dẫn tại Ngh quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đối với những việc thừa kế mở trước ngày 10/9/1990 thì thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10/9/1990; cụ Đặng Thị Cống chết năm 2001, còn trong thời hiệu theo Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định còn thời hiệu khởi kiện, chia di sản của cụ Trần Văn Phụng và cụ Đặng Thị Cống là có căn cứ.

[2.2] *Về diện và hàng thừa kế:* Các đương sự đều thống nhất cụ Phụng, cụ Cống có 5 người con gồm Trần Thị H4, Trần Xuân Ngậy, Trần Thị T1, Trần Thị H1 và Trần Xuân Ngh hai cụ không còn bố mẹ, không có con nuôi, không có con riêng nên xác định hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ gồm 5 người trên. Bà H4 chết năm 2013 có chồng là ông Nghiêm Xuân Ro chết năm 1994 và có 7 con gồm

ông Th2, ông Lý, bà Nh, bà H1, ông H3, bà Minh, bà Ch1 các ông bà này sẽ được hưởng phần thừa kế mà bà H4 được hưởng của cụ Phương, cụ Cống; ông Trần Xuân Ngậy hy sinh năm 1953, ông Ngậy có vợ là Nguyễn Thị M2 và con trai là Trần Xuân Ch, do vậy cụ M2 và ông Ch sẽ được hưởng phần thừa kế mà ông Ngậy được hưởng của cụ Phương. Cụ M2 chết năm 2001, nên ông Trần Xuân Ch được hưởng thừa kế thế vị đối với phần di sản mà nếu còn sống bố ông là Trần Xuân Ngậy sẽ được hưởng của cụ Cống. Do đó, ông Ch có quyền yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Phương, cụ Cống như Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định.

[3] Về nguồn gốc diện tích đất đang có tranh chấp và yêu cầu chia thừa kế, Hội đồng xét xử phúc thẩm đồng tình với nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm, cụ thể:

[3.1] Qua xác minh tại UBND xã Vũ H xác định không lưu trữ tài liệu nào thể hiện nguồn gốc các thửa đất thừa đất 636, 638, 639 theo bản đồ 241 đo đạc năm 1993 tại thôn Năng T, xã Vũ H, huyện Vũ Th là của cụ Phương, cụ Cống mà trên bản đồ 299 đo đạc năm 1986 thể hiện chủ sử dụng đất là ông Ch, ông Ngh, tuy nhiên các đương sự đều thừa nhận đất là của cụ Phương, cụ Cống, do đó xác định đất có nguồn gốc của hai cụ.

[3.2] Quá trình sử dụng đất, các đương sự đều thừa nhận năm 1971 ông Ngh xây nhà ở riêng trên thửa đất 638, mở ngõ đi riêng và khoảng năm 1977 lúc đó cụ Cống còn sống thì đã có sự phân chia ngôi nhà 5 gian giữa ông Ngh và ông Ch. Ông Ngh cho rằng ông đã được cụ Cống cho đất để làm nhà, ông Ch không thừa nhận có việc cụ Cống chia đất cho ông Ngh mà do ai lớn trước thì xây nhà trước, các đương sự đều không đưa ra được chứng cứ để chứng minh tuy nhiên ông Ngh đã xây nhà ở ổn định từ năm 1971, đến năm 2017 ông dỡ nhà cũ đi xây lại nhà kiên cố như hiện nay cũng không ai có ý kiến gì.

[3.3] Đối với thửa đất 639 các đương sự đều thừa nhận có một phần diện tích là của cụ Cống, một phần do ông Ngh mua thêm của ông Vũ Văn Tròn. Ông Ngh xác định phần diện tích đất này cụ Cống cho ông cùng với thời điểm năm 1968, sau đó ông có mua thêm một phần diện tích đất của ông Tròn, khoảng năm 1989 ông chuyển nhượng cho ông Lê Đức Lạc, sau đó ông Lạc đã tặng cho con trai là Lê Đức B đồng thời là con rể ông Ngh. Năm 1994 vợ chồng anh B, chị H5 đã xây dựng nhà và sinh sống từ đó đến nay không có tranh chấp với ai, năm 2007 anh B, chị H5 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Ch cho rằng diện tích đất của thửa 639 vẫn là của cụ Cống, cụ chưa phân chia cho ai. Xét thấy, thửa đất 639 có nguồn gốc của Cống nhưng trên bản đồ 299 đo đạc năm 1986 đã mang tên chủ sử dụng là ông Ngh, sau đó ông Ngh đã chuyển nhượng và anh B, chị H5 làm nhà sinh sống từ năm 1994 lúc đó cụ Cống còn sống không có ý kiến gì, đến năm 2007 anh B, chị H5 đã được UBND huyện Vũ Th, tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3.4] Đối với thửa đất 636, nguồn gốc là của cụ Cống, cụ Phụng, ông Ch cùng với cụ Cống ở trên thửa đất này đến năm 2001 thì cụ Cống chết nhưng từ bản đồ 299 đo đạc năm 1986 thửa đất đã mang tên chủ sử dụng là ông Ch. Ông Ch đã xây dựng nhà kiên cố, không ai có ý kiến tranh chấp gì. Mặt khác, các đương sự đều thừa nhận khoảng năm 1977 đã tiến hành chia ngôi nhà 5 gian của cụ Phụng, cụ Cống cho ông Ngh, ông Ch mỗi người 02 gian, sau đó ông Ngh chuyển nhượng 02 gian nhà cho ông Ch, do đó càng khẳng định đã có sự phân chia tài sản khi cụ Cống còn sống, việc phân chia này không có ai phản đối thể hiện ở việc ông Ngh, ông Ch ở sử dụng ổn định, xây nhà kiên cố, không có ai ý kiến gì cho đến khi ông Ngh khởi kiện ông Ch về việc lấn chiếm đất.

[3.5] Đối với thửa đất 637 đất ao diện tích 120m², các đương sự cho rằng thửa đất này có nguồn gốc là của cụ Phụng, cụ Cống, song kết quả xác minh tại địa phương thì thửa đất này là đất nông nghiệp do UBND xã Vũ H giao đất theo tiêu chuẩn đất nông nghiệp theo Quyết định 652 năm 1993 của UBND tỉnh Thái Bình cho hộ gia đình ông Ch, trong đó có tiêu chuẩn ruộng của cụ Cống.

[3.6] Về tiêu chuẩn đất nông nghiệp của cụ Cống: Theo các tài liệu do UBND xã Vũ H cung cấp, tiêu chuẩn đất nông nghiệp của cụ Cống được giao theo Quyết định 652 năm 1993 của UBND tỉnh Thái Bình gồm một phần diện tích của thửa 637, một phần diện tích của thửa 668 và một phần ruộng ngoài đồng, tổng cộng tiêu chuẩn đất nông nghiệp của cụ Cống là 340m² x 42.000/m² = 14.280.000đ. Tiêu chuẩn đất nông nghiệp này là di sản thừa kế của cụ Cống. Đối với yêu cầu của ông Ch yêu cầu chia tiêu chuẩn ruộng 5% (36m²) của cụ Cống được giao năm 1980 – 1981 cùng với tiêu chuẩn của hộ ông Ngh, sau đó ông Ngh đã chuyển nhượng cho người khác, song qua xác minh không có tài liệu thể hiện việc giao đất 5% của cụ Cống cho gia đình ông Ngh nên không có cơ sở để xem xét.

[3.7] Như vậy, xác định các thửa đất 636, 638, 639 có nguồn gốc là đất của cụ Phụng, cụ Cống nhưng đã có sự phân chia cho các con, cháu khi cụ còn sống mặc dù sự phân chia này không thể hiện bằng văn bản nhưng thực tế các đương sự đã sử dụng ổn định, không có tranh chấp, đã xây nhà kiên cố và có tên trong sổ địa chính qua các thời kỳ đo đạc quản lý đất đai của Nhà nước, vì vậy di sản thừa kế là các thửa đất trên đã được phân chia đến nay không còn; hiện nay chỉ còn tiêu chuẩn đất nông nghiệp của cụ Cống là 340m². Cụ Cống chết không để lại di sản, vì vậy di sản thừa kế của cụ được chia theo pháp luật. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Cống gồm 5 người, trong đó bà H1, bà Tích từ chối nhận di sản, chỉ còn 3 người gồm ông Ngh, các con của bà H4 (được hưởng phần thừa kế của bà H4) và ông Ch (được hưởng thừa kế thế vị của bố ông Ch). Xét thấy, cụ Cống ở với vợ chồng ông Ch đến khi cụ chết năm 2001, trong thời gian này việc trông nom chăm sóc cụ chủ yếu do vợ chồng ông Ch thực hiện, do đó cần dành một phần di sản để bù đắp công sức chăm sóc cụ Cống cho ông Ch bằng một suất thừa kế. Như vậy, di sản của cụ Cống được chia làm 4 phần, trong đó ông Ch được hưởng 2 phần, ông Ngh một phần và các con

của bà H4 một phần. Mỗi xuất được hưởng $340\text{m}^2 : 4 \times 42.000\text{đ}/\text{m}^2 = 3.570.000\text{đ}$. Toàn bộ tiêu chuẩn đất nông nghiệp của cụ Cống hiện nay đang do ông Ch quản lý, sử dụng và nằm trong các thửa 637, thửa 668 tờ bản đồ số 02 đo đạc năm 1993 tại thôn Năng T, xã Vũ H, huyện Vũ Th, tỉnh Thái Bình và thửa 26, tờ bản đồ số 02 xứ đồng Trũng Vũng, xã Vũ H, nếu phân chia theo hiện vật sẽ ảnh hưởng đến việc canh tác, ảnh hưởng đến chính sách dồn điền đổi thửa; vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định tiếp tục giao cho ông Ch quản lý sử dụng và ông Ch có trách nhiệm thanh toán cho ông Ngh và các con của bà H4 theo trị giá bằng tiền mỗi suất là 3.570.000đ là có căn cứ.

[3.8] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Ngh, yêu cầu ông Ch trả lại $9,5\text{m}^2$ đất lấn chiếm theo đo đạc hiện trạng là $6,8\text{m}^2$; quá trình xét xử sơ thẩm, ông Ngh đồng ý với kết quả đo đạc của Tòa án, yêu cầu ông Ch trả lại $6,8\text{m}^2$ đất lấn chiếm gồm phần ngõ đi chung phía bắc thửa đất 638 là 4m^2 và phần sân nhà ông Ch phía tây thửa đất 638 là $2,8\text{m}^2$ và yêu cầu ông Ch dỡ bỏ bức tường, phần sân, dỡ bỏ phần mái tôn làm trùm lên phần đất lấn chiếm ở phía sân nhà ông Ch. Diện tích đất của thửa 638 tờ bản đồ số 2, đo đạc năm 1993 ông Ngh được cụ Cống cho, bản thân ông cũng xác định khi cho cụ Cống không nói rõ diện tích, vị trí, kích thước cụ thể như thế nào, nên không có căn cứ xác định mốc giới giữa thửa đất 636 và thửa đất 638. Ông Ngh cho rằng phần móng âm ngói nhà ông xây năm 1971 là móng cột cờ, có khoảng 30cm nằm trên phần sân của ông Ch. Ông Ch lại cho rằng khi ông Ngh xây nhà đã xây lấn sang sân của cụ Cống, các đương sự đều không có căn cứ chứng minh phần móng âm là thuộc đất của thửa đất 636 hay thửa đất 638. Năm 2017, ông Ngh dỡ nhà cũ xây nhà mới, về phía tây thửa đất phần giáp sân nhà ông Ch, ông Ngh để nguyên bức tường nhà cũ và xây giạt vào phía trong thửa đất 638, cách tường nhà cũ xây năm 1971 là 20cm (tính từ mép tường). Do không có căn cứ xác định cụ thể mốc giới giữa hai thửa đất nên không có cơ sở xác định phần móng âm tường nhà ông Ngh xây năm 1971 (theo ông Ngh khai) nằm trên đất của thửa 636 hay thửa 638 nên không có cơ sở xác định ông Ch lấn sang phần đất của ông Ngh; vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về vấn đề này của ông và xác định bức tường nhà cũ của ông Ngh xây năm 1971 là ranh giới của thửa đất 636 và thửa đất 638 (phần đang có tranh chấp). Mái tôn nhà ông Ch làm sát vào bức tường nhà mới nhà ông Ngh, đã trùm lên phần đất của ông Ngh, kéo dài theo nhà ông Ngh, chấp nhận yêu cầu của ông Ngh buộc ông Ch phải tháo dỡ phần mái tôn làm trùm lên phần đất của ông Ngh là đúng pháp luật.

[3.9] Đối với yêu cầu buộc ông Ch tháo dỡ bức tường và phần sân là không có cơ sở như Tòa án cấp sơ thẩm nhận định.

[3.10] Đối với yêu cầu ông Ch trả lại phần diện tích đất ngõ đi là 4m^2 , xét thấy đây là ngõ đi chung của 5 hộ gia đình trong ngõ, không phải chỉ một mình gia đình ông Ch sử dụng nên việc ông Ngh yêu cầu ông Ch trả lại là không đúng, nếu ông Ngh cho rằng phần diện tích đất của gia đình ông hiện đang nằm trên ngõ

đi chung thì ông có quyền yêu cầu UBND xã Vũ H, huyện Vũ Th, tỉnh Thái Bình xem xét giải quyết.

[3.11] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Do nguyên đơn ông Trần Xuân Ngh, bị đơn ông Trần Xuân Ch đều là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm miễn án phí phúc thẩm cho ông Trần Xuân Ngh và ông Trần Xuân Ch.

Vì các lẽ trên và căn cứ vào khoản 1 Điều 308; Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Xuân Ngh.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Xuân Ch; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

3. Về án phí: Nguyên đơn ông Trần Xuân Ngh, bị đơn ông Trần Xuân Ch được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị thì đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

5. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS; P.HC-TP TANDCC tại Hà Nội.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Tự Học

